TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 495/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27/03/2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Rỹ

2. Bà Thái Thục Hiền

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hứa Hồng Đào – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố H.

- Đại diện Viện K, Thành phố H *tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Thanh Nhàn – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 895/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 807/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Vũ Thị H**, sinh ngày 15/12/1980; Căn cước công dân số ***640 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/4/2021.

Địa chỉ: S B P P, Khu phố A, phường P, Thành phố H.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Ngọc C**, sinh ngày 01/01/1978; Căn cước số ***024 do Bộ Công an cấp ngày 29/08/2025.

Địa chỉ: S B P P, Khu phố A, phường P, Thành phố H.

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2025 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – bà Vũ Thị H trình bày:

Bà H và ông Nguyễn Ngọc C tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh V. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau nên không còn tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra

cãi vả. Vợ chồng đã nhiều lần cố hàn gắn vì con nhưng mâu thuẫn không thể hòa giải. Hiện nay hai bên đang sống ly thân; mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà H và ông C có hai con chung tên Nguyễn Vũ Ngọc Nhân, sinh ngày 08/3/2005 (đã thành niên) và Nguyễn Vũ Thanh Danh, sinh ngày 01/4/2008. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Vũ Thanh Danh, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H xác định tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H và ông C không có nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông Nguyễn Ngọc C không đến Tòa án theo giấy triệu tập và cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi yêu cầu khởi kiện của bà H nên Tòa án không thể thu thập được lời khai của ông C.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn – bà Vũ Thị H, bị đơn – ông Nguyễn Ngọc C có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện K phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Vũ Thị H và ông Nguyễn Ngọc C có đăng ký kết hôn, bà H yêu cầu ly hôn với ông C, xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về "tranh chấp ly hôn".

Hiện nay, bị đơn là ông Nguyễn Ngọc C đang cư trú tại phường P, Thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Vũ Thị H, bị đơn ông Nguyễn Ngọc C cùng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25, Quyển số 1/2004 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh V cấp ngày 18/03/2004, cùng lời khai của bà H về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà H và ông C là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H: Trong quá trình chung sống, bà H và ông C xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau nên không còn tiếng nói chung. Vì con chung mà bà H đã nhiều lần cùng ông C trao đổi để vợ chồng hàn gắn nhưng không đạt được kết quả mà tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng đã không còn quan tâm đến nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Bà H xác định vợ chồng không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân với ông C.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích trên cơ sở yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình, đồng thời vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Bà H và ông C đã không tôn trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, Tòa án đã cho ông C và bà H thời gian để các bên giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn gia đình nhưng không có kết quả, bà H vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với ông C. Do đó, việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Bà H và ông C có hai con chung tên Nguyễn Vũ Ngọc Nhân, sinh ngày 08/3/2005 (đã thành niên) và Nguyễn Vũ Thanh Danh, sinh ngày 01/4/2008. Con chung hiện đang do bà H chăm sóc nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi là căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Theo bản khai ngày 05/3/2026, trẻ Nguyễn Vũ Thanh Danh trình bày cháu có nguyện vọng được sống cùng mẹ vì mẹ có điều kiện chăm sóc các con. Hơn nữa, trong suốt quá trình tố tụng ông C không có bất kỳ ý kiến nào phản hồi về yêu cầu nuôi con của bà H. Do đó,

việc giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà H không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà H xác định bà và ông C tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H xác định bà và ông C không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà H phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án).

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị H:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc C (Giấy chứng nhận kết hôn số 25, Quyển số 1/2004 ngày 18/3/2004 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh V).

- Về con chung: Bà H và ông C có hai con chung tên Nguyễn Vũ Ngọc Nhân, sinh ngày 08/3/2005 (đã thành niên) và Nguyễn Vũ Thanh Danh, sinh ngày 01/4/2008. Giao cho bà Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Vũ Thanh Danh, sinh ngày 01/4/2008. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Ngọc C đến khi bà H có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em hoặc Hội Liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà H và ông C đã tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Bà H và ông C xác nhận không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Vũ Thị H phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0038628 ngày 17/11/2025 của Thi hành án dân sự, Thành phố H. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 10;
- THADS TP.HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

2 000022 322201

Doãn Thị Nga